THỐNG KÊ THÀNH PHỐ BẮC NINH

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

THÁNG 10 NĂM 2026

NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

(So với cùng kỳ năm trước)

SẢN XUẤT VỤ MÙA

(Tính đến ngày 20/10/2026)



DIỆN TÍCH GIEO CẤY

73.075 Ha

▼3%

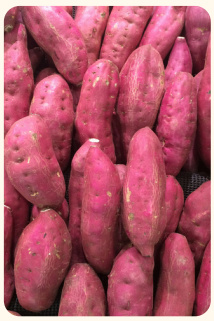
Tiến độ sản xuất cây hằng năm vụ Đông 2027



Ngô

▲ 93,1 %

3.863 Ha



Khoai lang

▲ 6,2 %

1.373 Ha



Lạc

▲ 181,2 %

762 Ha



Rau các loại khác

▲ 182 %

8.946 Ha

Số lượng đàn gia súc, gia cầm

(Tháng 10 năm 2026)

Đàn trâu



24.325 Con ▼ 4,1 %

Đàn bò



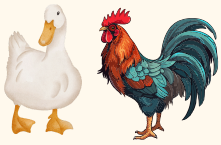
96.354 Con ▼ 3,9 %

Đàn lợn



1,2 Triệu con ▲ 6,5 %

Đàn gia cầm



28,75 Triệu con ▲ 5,5 %

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN

(10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ)

83.149,3 Tấn ▲ 3,02 %



Sản lượng cá

82.906 Tấn ▲ 3 %

Sản lượng tôm

86,8 Tấn ▲ 0,23 %

DIỆN TÍCH RỪNG TRỒNG MỚI TẬP TRUNG

(10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ)

10.856 Ha ▲ 1,66 %



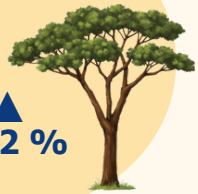
Số lượng cây phân tán

4,9 Triệu cây ▲ 1,83 %



Khai thác gỗ

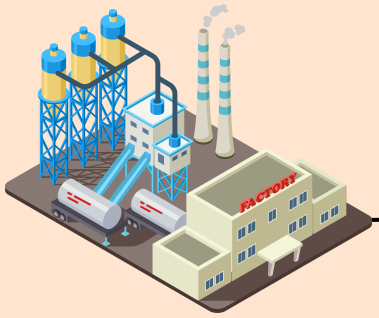
1.115,6 1000 M3 ▲ 2,02 %



SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
(10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ)

TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP	Công nghiệp khai khoáng	Chế biến chế tạo	Sản xuất và phân phối điện	Cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải
▲ 20,44%	▼ 1,57%	▲ 20,54%	▲ 11,15%	▲ 22,49%



SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU
(10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ)

URE	MÁY TÍNH XÁCH TAY	THIẾT BỊ BÁN DẪN	
▲37,6%	▲15,4%	▲178,8%	
410,7 Nghìn tấn	14.405 Nghìn cái	644,7 Triệu chiếc	
MẠCH IN KHÁC	THIẾT BỊ NGOẠI VI	ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH TỪ 6-10 TRIỆU	
▲45,8%	▲38,0%	▲192,6%	
901,5 Triệu chiếc	728,4 Triệu cái	4.370 Nghìn cái	
ĐỒNG HỒ THÔNG MINH TỪ 6-10 TRIỆU	TAI NGHE NỐI MICRO	PHỤ TÙNG XE CÓ ĐỘNG CƠ	
▲31,4%	▲55,6%	▲25,2%	
7.087 Nghìn cái	159,4 Triệu cái	54,1 Triệu cái	

VỐN ĐẦU TƯ VÀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

VỐN ĐẦU TƯ

10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước

CẤP TỈNH

11.140 Tỷ đồng ▲16,2%

CẤP XÃ

4.630 Tỷ đồng ▲25,5%

TỔNG VỐN ĐẦU TƯ TỪ NSNN 7 THÁNG

15.770 Tỷ đồng ▲ 18,8%

THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

10 tháng năm 2026

TỔNG VỐN FDI VÀO BẮC NINH | **19,5** Tỷ USD

Lũy kế 10 tháng thu hút đạt trên 19,5 tỷ USD. Trong đó, cấp mới 200 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký 362.269,4 tỷ đồng và 292 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 1.772,3 triệu USD; điều chỉnh tăng vốn cho 106 dự án trong nước với số vốn bổ sung 26.728,4 tỷ đồng và 243 dự án FDI với số vốn tăng thêm 2.496,3 triệu USD. Riêng thu hút FDI, Bắc Ninh đứng thứ 3 cả nước.

ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

10 tháng năm 2026

7.060 doanh nghiệp

DN đăng kí thành lập mới

TỔNG VỐN ĐĂNG KÝ

114.385 Tỷ đồng

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG







TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

168.403,1 Tỷ đồng ▲ **21,0%**

10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước, trong đó:



BÁN LẺ HÀNG HÓA

99.098,1 Tỷ đồng ▲ **20,0%**



DỊCH VỤ LƯU TRÚ, ĂN UỐNG

20.008,2 Tỷ đồng ▲ **24,2%**



DU LỊCH LỮ HÀNH

886,7 Tỷ đồng ▲ **54,6%**



DỊCH VỤ KHÁC

48.410,1 Tỷ đồng ▲ **21,2%**

VẬN TẢI

(10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ)



DOANH THU VẬN TẢI

31.296 Tỷ đồng ▲ 25,4%

▲21,7%



4.792 Tỷ đồng

Vận tải hành khách

▲25,6%



17.018,1 Tỷ đồng

Vận tải hàng hóa

▲27,2%



9.167,6 Tỷ đồng

Dịch vụ hỗ trợ vận tải

▲19,3%



318,3 Tỷ đồng

Bưu chính chuyển phát

SẢN LƯỢNG VẬN TẢI

VẬN TẢI HÀNH KHÁCH

81,4 triệu lượt HK ▲14,3%



3.331,5 triệu lượt HK.km ▲17,6%

VẬN CHUYỂN

LUÂN CHUYỂN

VẬN TẢI HÀNG HÓA

159 triệu tấn HH ▲15,6%



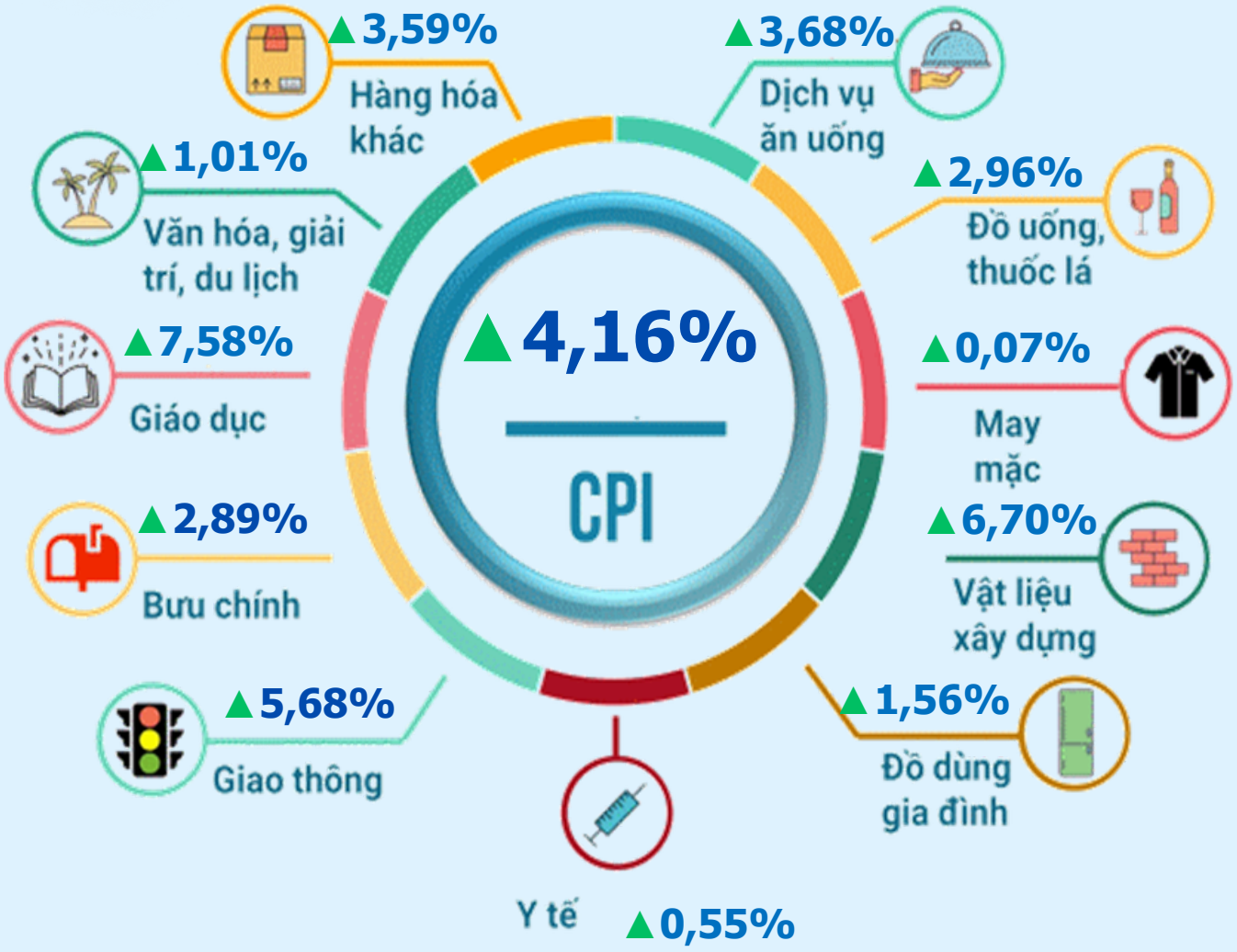
5.243,5 triệu tấn.km ▲18,2%



CHỈ SỐ GIÁ

Thị trường hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trong tháng 10/2026 trên địa bàn Thành phố duy trì xu hướng tăng giá với mức tăng chung CPI tương đối thấp so với tháng trước, song diễn biến giữa các nhóm có sự trái chiều. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 10 tháng năm 2026 tăng 4,16% so với bình quân cùng kỳ năm 2025, cho thấy mặt bằng giá tiêu dùng trên địa bàn vẫn có xu hướng tăng.

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG bình quân 10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ





Chỉ số giá vàng

BQ 10 tháng năm 2026 so với 10 tháng năm 2025 ▲ 34,59%

Chỉ số giá Đô la Mỹ

BQ 10 tháng năm 2026 so với 10 tháng năm 2025 ▲ 0,36%





MỘT SỐ CHỈ TIÊU XÃ HỘI

Y TẾ

Công tác khám, chữa bệnh tháng 10 năm 2026

363.954 lượt



Khám chữa bệnh

48.281 lượt



Điều trị nội trú

Hoạt động khám sức khoẻ định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân

2.644.729 người



75,9%

Tai nạn giao thông | **449 vụ** ▼12,6%

(10 tháng năm 2026 so với cùng kỳ)



275 người ▼13%



Người chết

200 người ▼31%



Người bị thương

Vi phạm môi trường | Phát hiện **26** vụ

(Tháng 10 năm 2026 so với cùng kỳ)



26 vụ



Xử lý

2,62 tỷ đồng ▲30,6%



Nộp phạt

Tình hình Cháy, nổ



9 vụ

Thiệt hại tài sản **406,8** Trđ

1 vụ

Tại nạn đuối nước, tìm kiếm được 01 thi thể nạn nhân

Tình hình sự cố, tai nạn



0204.3854.373

https://thongkebacninh.nso.gov.vn

Nguyễn Thị Lưu, P. Bắc Giang, TP. Bắc Ninh

Tình hình Kinh tế - xã hội TP. Bắc Ninh Tháng 10 năm 2026

Phòng Tổng hợp, Thống kê TP. Bắc Ninh biên tập